THANH TRA CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 700 /QĐ-TTCP	*Hà Nội, ngày 09 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực giải quyết tố cáo thuộc phạm vi chức năng quản lý của Thanh tra Chính phủ

TỔNG THANH TRA CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tố cáo số 25/2018/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 50/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng và Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực giải quyết tố cáo thuộc phạm vi chức năng quản lý của Thanh tra Chính phủ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ký. Bãi bỏ các thủ tục hành chính trong lĩnh vực giải quyết tố cáo quy định tại Quyết định số 3164/QĐ-TTCP ngày 26/12/2017 của Thanh tra Chính phủ.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Thủ trưởng các cục, vụ, đơn vị thuộc Thanh tra Chính phủ; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Tổng Thanh tra CP (để b/cáo);
- Các Phó Tổng TTCP;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Thanh tra Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Thanh tra các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cổng Thông tin điện tử TTCP;
- Tổ cải cách hành chính TTCP;
- Lưu: VT, KSTTHC (3).

TỔNG THANH TRA

Lê Minh Khái

THANH TRA CHÍNH PHỦ --------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số: 3164/QĐ-TTCP	*Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG BỐ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC CHUẨN HÓA THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA THANH TRA CHÍNH PHỦ

TỔNG THANH TRA CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Luật tố cáo số 03/2011/QH13 ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Luật tiếp công dân số 42/2013/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật phòng, chống tham nhũng số 55/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 83/2012/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2012 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra Chính phủ;
Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;
Căn cứ Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 3 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại;
Căn cứ Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 3 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật tố cáo;

Căn cứ Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 3 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và thi hành một số điều của Luật tiếp công dân;

Căn cứ Nghị định số 59/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật phòng, chống tham nhũng

Căn cứ Nghị định số 90/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;
Căn cứ Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về minh bạch tài sản, thu nhập;
Căn cứ Thông tư số 08/2013/TT-TTCP ngày 31 tháng 10 năm 2013 hướng dẫn thi hành các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập;
Căn cứ Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính;
Căn cứ Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20 tháng 10 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013 ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại, hành chính;
Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-TTCP ngày 31 tháng 10 năm 2014 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh;
Căn cứ Thông tư số 06/2014/TT-TTCP ngày 31 tháng 10 năm 2014 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình tiếp công dân;
Căn cứ Thông tư số 06/2013/TT-TTCP ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết tố cáo;
Căn cứ Thông tư số 02/2014/TT-TTCP ngày 29/4/2014 của Thanh tra Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 90/2013/NĐ-CP ngày 08/8/2013 của Chính phủ quy định trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

Căn cứ Quyết định số 2456/QĐ-TTCP ngày 26 tháng 8 năm 2015 của Tổng Thanh tra Chính phủ về việc ban hành Quy chế thống kê, công bố và cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Thanh tra Chính phủ;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này các thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ, bao gồm: thủ tục giải quyết khiếu nại, thủ tục giải quyết tố cáo, thủ tục tiếp công dân, thủ tục xử lý đơn thư, các thủ tục trong lĩnh vực phòng, chống tham nhũng.

Điều 2. Văn phòng và Trung tâm Thông tin có trách nhiệm phối hợp với các vụ, cục, đơn vị thuộc Thanh tra Chính phủ để cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia các thủ tục hành chính kèm theo Quyết định này; công bố, công khai trên Cổng thông tin điện tử của Thanh tra Chính phủ.

Điều 3. Các vụ, cục, đơn vị có liên quan thuộc Thanh tra Chính phủ có trách nhiệm phối hợp với Văn phòng tiếp tục rà soát, cập nhật thủ tục hành chính trong các văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý của Thanh tra Chính phủ được ban hành mới; sửa đổi, bổ sung trình Tổng Thanh tra Chính phủ công bố.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế quyết định số 1585/QĐ-TTCP ngày 21/6/2016 của Thanh tra Chính phủ. Thủ trưởng các cục, vụ, đơn vị thuộc Thanh tra Chính phủ; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

TỔNG THANH TRA

Lê Minh Khái

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Lãnh đạo Thanh tra Chính phủ;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Thanh tra Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Thanh tra các tỉnh, tp trực thuộc TW;
- Cổng Thông tin điện tử TTCP;
- Tổ cải cách hành chính TTCP;
- Lưu: VT, PC.

Ký bởi: Văn phòng
Cơ quan: , Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng
Thời gian ký: 30.12.2019 15:27:45 +07:00

UỶ BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 3315/QĐ-UBND	*Hải Phòng, ngày 30 tháng 12 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực thanh tra trên địa bàn thành phố Hải Phòng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Tố cáo ngày 12/6/2018;

Căn cứ Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ: số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính; số 01/2018/TT-VPCP ngày 05/12/2018 hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 700/QĐ-TTCP ngày 09/10/2019 của Thanh tra Chính phủ về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực giải quyết tố cáo thuộc phạm vi chức năng quản lý của Thanh tra Chính phủ;

Xét đề nghị của Chánh Thanh tra thành phố tại Tờ trình số 06/TTr-TTTP ngày 24/10/2019;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực thanh tra trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Giao Chánh Thanh tra thành phố tổ chức thực hiện việc công khai Danh mục và nội dung thủ tục hành chính lĩnh vực thanh tra; xây dựng

quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính và cập nhật trên hệ thống Một cửa điện tử và Dịch vụ công trực tuyến thành phố theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế phần IV (các thủ tục hành chính lĩnh vực giải quyết tố cáo) tại Quyết định số 1458/QĐ-CT ngày 27/6/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực thanh tra trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, phường, xã, thị trấn trên địa bàn thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- VPCP; TTCP;
- Cục KSTTHC VPCP;
- CT, PCT Nguyễn Đình Chuyến;
- CPVP UBND TP;
- Đài PT&THHP; Báo HP; Báo ANHP;
- Cổng TTĐTTP;
- Phòng: KSTTHC; NC&KTGS;
- CV: KSTTHC;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Tùng

PHỤ LỤC
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC THAY THẾ LĨNH VỰC THANH TRA

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3315/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

TT	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						Dịch vụ công mức độ 3, 4	Dịch vụ bưu chính công ích	
LĨNH GIẢI QUYẾT TỐ CÁO (03 TTHC)								
1	Giải quyết tố cáo cấp thành phố	Giải quyết tố cáo cấp thành phố	- 30 ngày kể từ ngày thụ lý tố cáo. Đối với vụ việc phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo một lần nhưng không quá 30 ngày. - Đối với vụ việc đặc biệt phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo hai lần, mỗi lần không quá 30 ngày.	Thanh tra thành phố, Thanh tra sở; cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố.	Không	Không	Không	- Luật Tố cáo số 25/2018/QH14 ngày 12/6/2018; - Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019.
2	Giải quyết tố cáo cấp huyện	Giải quyết tố cáo cấp huyện	- 30 ngày kể từ ngày thụ lý tố cáo. Đối với vụ việc phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo một lần nhưng không quá 30 ngày. - Đối với vụ việc đặc biệt phức tạp thì có thể gia hạn	Thanh tra cấp huyện; cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện	Không	Không	Không	- Luật Tố cáo số 25/2018/QH14 ngày 12/6/2018; - Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019.

			giải quyết tố cáo hai lần, mỗi lần không quá 30 ngày.					
3	Giải quyết tố cáo cấp xã	Giải quyết tố cáo cấp xã	- 30 ngày kể từ ngày thụ lý tố cáo. Đối với vụ việc phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo một lần nhưng không quá 30 ngày. - Đối với vụ việc đặc biệt phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo hai lần, mỗi lần không quá 30 ngày.	UBND cấp Xã	Không	Không	Không	- Luật Tố cáo số 25/2018/QH14 ngày 12/6/2018; - Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019.

UỶ BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1458 /QĐ-CT	*Hải Phòng, ngày 27 tháng 6 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực thanh tra trên địa bàn thành phố Hải Phòng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 3164/QĐ-TTCP ngày 26/12/2017 của Thanh tra Chính phủ về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ;

Xét đề nghị của Chánh Thanh tra thành phố tại Tờ trình số 04/TTr - TTTP ngày 30/5/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực thanh tra trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Giao Chánh Thanh tra thành phố tổ chức thực hiện việc công khai danh mục và nội dung thủ tục hành chính lĩnh vực thanh tra theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1933/QĐ-UBND ngày 12/9/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi quản lý nhà nước của ngành Thanh tra trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, phường, xã, thị trấn trên địa bàn thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- VPCP (Cục KSTTHC);
- TTTU, TT HĐNDTP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Như Điều 4;
- C, PVP UBND TP;
- Cổng TTĐTTP;
- Các Phòng CV;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Tùng

Ký bởi: Văn phòng Ủy ban nhân dân
Email: vpubnd@haiphong.gov.vn
Cơ quan: Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng
Thời gian ký: 27.06.2018 14:35:55 +07:00

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC THANH TRA TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1458/QĐ-CT ngày 27 tháng 6 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I	**THỦ TỤC TIẾP CÔNG DÂN**				
1	Tiếp công dân tại cấp thành phố	10 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh	Ban Tiếp công dân thành phố; Bộ phận tiếp công dân của Thanh tra thành phố, các sở, ban, ngành	Không	- Luật Khiếu nại năm 2011; - Luật Tố cáo năm 2011; - Luật Tiếp công dân năm 2013; - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012; - Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012; - Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014; - Thông tư số 06/2014/TT-TTCP ngày 31/10/2014.
2	Tiếp công dân tại cấp huyện	10 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh	Ban Tiếp công dân cấp huyện; Thanh tra quận, huyện; các phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện	Không	- Luật Khiếu nại năm 2011; - Luật Tố cáo năm 2011; - Luật Tiếp công dân năm 2013; - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012; - Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012; - Nghị định số

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014; - Thông tư số 06/2014/TT-TTCP ngày 31/10/2014.
3	Tiếp công dân tại cấp xã	10 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh	UBND cấp xã	Không	- Luật Khiếu nại năm 2011; - Luật Tố cáo năm 2011; - Luật Tiếp công dân năm 2013; - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012; - Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012; - Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014; - Thông tư số 06/2014/TT-TTCP ngày 31/10/2014.
II	**THỦ TỤC XỬ LÝ ĐƠN**				
1	Xử lý đơn tại cấp thành phố	10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh	Ban Tiếp công dân thành phố; Bộ phận xử lý đơn thư thuộc Thanh tra thành phố, các sở, ban, ngành	Không	- Luật Khiếu nại năm 2011; - Luật Tố cáo năm 2011, - Luật Tiếp công dân năm 2013; - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012; - Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					- Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014; - Thông tư số 07/2014/TT-TTCP ngày 31/10/2014.
2	Xử lý đơn tại cấp huyện	10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh	Ban Tiếp công dân cấp huyện; Thanh tra quận, huyện; các phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện	Không	- Luật Khiếu nại năm 2011; - Luật Tố cáo năm 2011, - Luật Tiếp công dân năm 2013; - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012; - Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012; - Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014; - Thông tư số 07/2014/TT-TTCP ngày 31/10/2014.
3	Xử lý đơn tại cấp xã	10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh	UBND cấp xã	Không	- Luật Khiếu nại năm 2011; - Luật Tố cáo năm 2011; - Luật Tiếp công dân năm 2013; - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012; - Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012; - Nghị định số

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014; - Thông tư số 07/2014/TT-TTCP ngày 31/10/2014.
III	**THỦ TỤC GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI**				
1	Giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp thành phố	- 30 ngày; có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý; - Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, thì thời hạn là 45 ngày, đối với vụ việc phức tạp thì có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý.	UBND thành phố; Thanh tra thành phố; các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố	Không	- Luật Khiếu nại năm 2011; - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012; - Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013; - Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016.
2	Giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp huyện	- 30 ngày; có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý; - Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, thì thời hạn là 45 ngày, đối với vụ việc phức tạp thì có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý.	UBND cấp huyện; Thanh tra quận, huyện; các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện	Không	- Luật Khiếu nại năm 2011; - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012; - Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013; - Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016.
3	Giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã	- 30 ngày; có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý; - Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, thì thời hạn là 45 ngày,	UBND cấp xã	Không	- Luật Khiếu nại năm 2011; - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012; - Thông tư số 07/2013/TT-TTCP

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		đối với vụ việc phức tạp thì có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý.			ngày 31/10/2013; - Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016.
4	Giải quyết khiếu nại lần hai tại cấp thành phố	- 45 ngày; đối với vụ việc phức tạp có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý; - Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn thì thời hạn là 60 ngày, đối với vụ việc phức tạp thì có thể kéo dài hơn, nhưng không quá 70 ngày, kể từ ngày thụ lý.	UBND thành phố; Thanh tra thành phố; các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố	Không	- Luật Khiếu nại năm 2011; - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012; - Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013; - Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016.
5	Giải quyết khiếu nại lần hai tại cấp huyện	- 45 ngày; đối với vụ việc phức tạp có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý; - Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn thì thời hạn là 60 ngày, đối với vụ việc phức tạp thì có thể kéo dài hơn, nhưng không quá 70 ngày, kể từ ngày thụ lý.	UBND cấp huyện; Thanh tra quận, huyện; các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện	Không	- Luật Khiếu nại năm 2011; - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012; - Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013; - Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016.
IV	**THỦ TỤC GIẢI QUYẾT TỐ CÁO**				

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Giải quyết tố cáo tại cấp thành phố	- 60 ngày; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn là 90 ngày, kể từ ngày thụ lý; - TH cần thiết, người có thẩm quyền giải quyết tố cáo có thể gia hạn giải quyết một lần nhưng không quá 30 ngày; đối với vụ việc phức tạp thì không quá 60 ngày.	UBND thành phố; Thanh tra thành phố; các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố	Không	- Luật Tố cáo năm 2011; - Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 ; - Thông tư số 06/2013/TT-TTCP ngày 30/9/2013.
2	Giải quyết tố cáo tại cấp huyện	- 60 ngày; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn là 90 ngày, kể từ ngày thụ lý; - TH cần thiết, người có thẩm quyền giải quyết tố cáo có thể gia hạn giải quyết một lần nhưng không quá 30 ngày; đối với vụ việc phức tạp thì không quá 60 ngày.	UBND cấp huyện; Thanh tra quận, huyện; các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện	Không	- Luật Tố cáo năm 2011; - Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 ; - Thông tư số 06/2013/TT-TTCP ngày 30/9/2013.
3	Giải quyết tố cáo tại cấp xã	- 60 ngày; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn là 90 ngày, kể từ ngày thụ lý; - TH cần thiết, người có thẩm quyền giải quyết tố cáo có thể gia hạn giải quyết một lần nhưng không quá 30 ngày; đối với vụ việc phức tạp thì không quá 60 ngày.	UBND cấp xã	Không	- Luật Tố cáo năm 2011; - Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012; - Thông tư số 06/2013/TT-TTCP ngày 30/9/2013.
V	**THỦ TỤC TRONG LĨNH VỰC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG**				

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Kê khai tài sản, thu nhập	Thời gian kê khai chậm nhất là ngày 30 tháng 11 hàng năm; việc kê khai tài sản, thu nhập phải hoàn thành chậm nhất là ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc giao nhận Bản kê khai phải hoàn thành chậm nhất vào ngày 31 tháng 03 của năm sau	Cơ quan hành chính nhà nước các cấp; các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan hành chính nhà nước; các doanh nghiệp nhà nước	Không	- Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005; - Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17/7/2013; - Thông tư số 08/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013.
2	Công khai bản kê khai tài sản, thu nhập	Thời điểm công khai được thực hiện trong khoảng thời gian từ sau khi hoàn thành việc kiểm tra Bản kê khai quy định tại Khoản 3 Điều 5 Thông tư số 08/2013/TT-TTCP đến ngày 31 tháng 3 hàng năm	Cơ quan hành chính nhà nước các cấp; các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan hành chính nhà nước; các doanh nghiệp nhà nước	Không	- Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005; - Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17/7/2013; - Thông tư số 08/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013.
3	Xác minh tài sản, thu nhập	15 ngày làm việc, trường hợp phức tạp thì thời hạn tối đa không quá 30 ngày làm việc	Cơ quan thanh tra nhà nước các cấp; bộ phận phụ trách công tác thanh tra nội bộ, tổ chức cán bộ trong các doanh nghiệp nhà nước	Không	- Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005; - Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17/7/2013; - Thông tư số 08/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013.